

Bản án số: 383/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2023.

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Loan;

2. Bà Lâm Thị Ngọc Giàu.

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 505/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 523/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T (H), sinh năm 1991; cư trú: Tổ I, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; cư trú: Tổ I, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông T có mặt; bà L vắng mặt lần 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà L là do tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đến năm 2017 thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bà L không chung thủy, phát sinh mối quan hệ tình cảm với người khác và hiện nay đã chung sống như vợ chồng.

Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/01/2008 và Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 02/11/2017, hiện con chung đang sống với ông T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà L.

Cháu Nguyễn Thị Kim A có văn bản trình bày ý kiến: Cháu hiện đang sống cùng cha và học lớp 10 tại trường THPT Q, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha và không yêu cầu gì về mẹ.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà L theo quy định nhưng bà vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà L và ông T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân ngày 26/10/2023 do Công an xã K cung cấp thể hiện bà L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách, chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B - mẹ ruột của ông T cho biết hôn nhân của ông T và bà L đúng như lời bà ông T trình bày. Nguyên nhân ông T xin ly hôn do bà L đi làm ở Bình Dương rồi phát sinh mối quan hệ tình cảm với người khác khiến cho hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông T liên hệ hàn gắn nhưng bà L đã bỏ đi và cắt đứt liên lạc nên hiện không biết bà L đang ở đâu. Ông bà còn có hai con chung hiện đang sống cùng ông T và gia đình bà.

Nay ông T nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông T có mặt và bảo lưu ý kiến, riêng bà L đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông T chung sống với bà L đến đầu năm 2023 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà L hiện có địa chỉ đăng ký thường trú tại xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông T và bà L xây dựng gia đình dựa tự nguyện, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 27/3/2017 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông T vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà L. Bà L nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ đầu năm 2023 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự

quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Ông T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bà L không chung thủy, phát sinh mối quan hệ tình cảm với người khác, ông có liên hệ hàn gắn nhưng bà L bỏ đi và cắt đứt liên lạc. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của ông T. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/01/2008 và Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 02/11/2017. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi dạy con chung.

Đối với yêu cầu của ông T về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm cha – con gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Quan trọng hơn cháu Kim A có nguyện được tiếp tục sống với ông T nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã K mang tên bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/01/2008 và Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 02/11/2017. Công nhận tự nguyện của ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008531 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông T nộp đủ).

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2023), các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân